

SĐC

204

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7 - ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

CĂN CỨ BỘ CHỈ HUY
QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM
TẠI TÀ THIẾT (1972 - 1975)



ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

CĂN CỨ BỘ CHỈ HUY
QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM
TẠI TÀ THIẾT (1972 - 1975)

Mã số: $\frac{9(V134)}{CTQG - 2015}$

CĂN CỨ BỘ CHỈ HUY
QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM
TẠI TÀ THIẾT (1972 - 1975)

THƯ VIỆN TỈNH
BÌNH PHƯỚC

ĐC / 204

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2015

Chủ trì hội thảo:
BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Ban tổ chức hội thảo:

Đồng chí NGUYỄN VĂN TRĂM	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước - <i>Trưởng ban</i>
Thiếu tướng TRẦN VĂN HÙNG	Phó Chính ủy Quân khu 7 - <i>Phó ban</i>
Đồng chí GIANG VĂN KHOA	Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Phước
Thiếu tướng VÕ VĂN CỎ	Phó Tham mưu trưởng Quân khu 7
Đại tá VŨ TIẾN ĐIỀN	Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước
Đồng chí NGUYỄN QUANG TOÀN	Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước
Đại tá VŨ NGỌC THẮNG	Chánh Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu 7
Đồng chí NGUYỄN VĂN KHÁNH	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

Ban nội dung hội thảo:

Đại tá, TS. LÊ HỒNG ĐIỆP	Trưởng phòng Khoa học quân sự Quân khu 7 - <i>Trưởng ban</i>
Đồng chí LÊ VĂN QUANG	Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước - <i>Phó ban</i>
Đồng chí TRẦN TUYẾT MINH	Phó Trưởng ban thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Phước
Thượng tá, CN. LÊ CHÍNH	Trưởng ban Lịch sử quân sự Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7
Đồng chí TRẦN THANH TÙNG	Giám đốc Bảo tàng tỉnh Bình Phước
Đồng chí NGUYỄN NGUYỄN NHÂN	Trưởng phòng Nghiệp vụ văn hóa Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tà Thiết (sóc Tà Thiết, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước) là căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam giai đoạn 1972-1975 - giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến 21 năm chống đế quốc Mỹ xâm lược. Ghi nhận những đóng góp to lớn của Căn cứ Tà Thiết đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 16-11-1988, Đảng và Nhà nước đã công nhận di tích Tà Thiết là di tích lịch sử quốc gia. Chính quyền và người dân nơi đây đã ra sức bảo vệ, gìn giữ, cải tạo và tu bổ để di tích trở thành một khu du lịch lịch sử sinh thái có sức hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước, là “địa chỉ đỏ” của hoạt động về nguồn của các thế hệ, là nơi giáo dục truyền thống yêu nước, hun đúc lòng tự hào dân tộc của nhân dân ta.

Kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1975-2015), Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã tổ chức Hội thảo khoa học: “Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam tại Tà Thiết (1972-1975)”. Đã có rất nhiều bài tham luận của các đồng chí lãnh đạo tỉnh Bình Phước, các cán bộ, tướng lĩnh, sĩ quan quân đội, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong rất nhiều lĩnh vực được trình bày tại Hội thảo. Dù có một vài bài tham luận mang quan điểm cá nhân, một số nhận xét, đánh giá dựa trên lĩnh vực chuyên môn, chưa hẳn có sự thống nhất, song tất cả cùng có mục đích chung là hướng đến việc khẳng định truyền thống cách mạng hào hùng của Căn cứ Tà Thiết, khẳng định những bài học về xây dựng lực lượng, xây dựng “thế trận lòng dân”; phân tích những thành công và mặt còn hạn chế của công tác

bảo vệ, tôn tạo, phát triển di tích nhằm rút ra những hướng đi, biện pháp phát huy giá trị lịch sử của di tích phù hợp với những biến đổi của công cuộc đổi mới đất nước.

Trên cơ sở tập hợp, sắp xếp các bài tham luận Hội thảo theo vấn đề, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 - Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách ***Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam tại Tà Thiết (1972 - 1975)***.

Cuốn sách được chia làm 4 phần:

Phần một: Căn cứ Tà Thiết - “Địa chỉ đỏ”;

Phần hai: Căn cứ Tà Thiết trong giai đoạn kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ (1972-1975);

Phần ba: Vai trò và giá trị lịch sử của Căn cứ Tà Thiết - Những bài học kinh nghiệm;

Phần bốn: Căn cứ Tà Thiết - Hiện trạng và giải pháp phát huy giá trị di tích lịch sử.

Cuốn sách đã đem đến cho bạn đọc một cách nhìn tổng quan, đa chiều về di tích lịch sử Tà Thiết.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 9 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

CĂN CỨ QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM TẠI TÀ THIẾT TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ¹

NGUYỄN TẤN HƯNG

Ủy viên Trung ương Đảng - Bí thư Tỉnh ủy Bình Phước

Hôm nay, trong không khí nhân dân cả nước đang sôi nổi tổ chức các hoạt động kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (4-1975 - 4-2015), tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học: *“Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam tại Tà Thiết (1972-1975)”*. Thay mặt Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và đồng bào các dân tộc trong tỉnh, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các đồng chí lãnh đạo, tướng lĩnh, chỉ huy, các nhà khoa học, đặc biệt là các nhân chứng lịch sử - những người góp phần quan trọng trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trân trọng cảm ơn các đồng chí đã quan tâm về dự Hội thảo khoa học ý nghĩa này.

*

Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ tại Tà Thiết (xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước ngày nay) là căn cứ cuối cùng của Bộ Chỉ huy Miền và là căn cứ duy nhất còn giữ được cho đến

1. Bài phát biểu khai mạc Hội thảo.

ngày nay. Căn cứ là nơi ghi dấu một trong những giai đoạn trong quá trình hoạt động cách mạng của nhiều đồng chí lãnh đạo kiên trung, bất khuất - những người con ưu tú của đất nước. Đó là: cố Thượng tướng Trần Văn Trà - Tư lệnh Bộ Chỉ huy Miền¹; cố Nữ tướng Nguyễn Thị Định - Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Miền; Đại tướng Lê Đức Anh - Tham mưu trưởng, Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Miền²; cố Chính ủy Phạm Hùng, v.v..

Mặc dù chỉ hình thành và tồn tại trong thời gian ngắn, nhưng Căn cứ Tà Thiết có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến chống đế quốc Mỹ của dân tộc ta. Có thể nói, Căn cứ đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử giao phó. Đây là nơi đã từng diễn ra nhiều sự kiện lịch sử có ý nghĩa to lớn, có tính chất quyết định đến sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của dân tộc ta. Nơi đây là nơi các đồng chí ở Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam, các đồng chí trong Bộ Chỉ huy Miền tiến hành các cuộc họp bàn về tình hình chiến sự ở miền Nam để đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời để giành thắng lợi trên chiến trường, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn năm 1975. Đặc biệt, trong năm 1975, Tà Thiết là nơi diễn ra các sự kiện đặc biệt như: nơi nhận Bức điện số 37/TK của Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Duẩn về việc đồng ý đổi tên Chiến dịch giải phóng Sài Gòn thành Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nơi thành lập Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh do đồng chí Văn Tiến Dũng làm Tư lệnh, nơi phát lệnh Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 - chiến dịch có ý nghĩa quyết định, đánh dấu thắng lợi to lớn và cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

1. Đồng chí Trần Văn Trà đảm nhiệm chức vụ Phó Tư lệnh Miền (7-1967 - 9-1972), Tư lệnh Bộ Chỉ huy Miền (10-1973 - 1976).

2. Đồng chí Lê Đức Anh đảm nhiệm chức vụ Tham mưu trưởng Miền (1964-1968), Phó Tư lệnh Miền (1969-1976).

Căn cứ Tà Thiết không chỉ ghi dấu những sự kiện lịch sử có ý nghĩa to lớn của dân tộc ta trong thế kỷ XX mà còn thể hiện tinh thần kiên cường, bất khuất của dân tộc, thể hiện tinh hoa trí tuệ và tài năng của con người Việt Nam, thể hiện tinh thần đoàn kết, tình quân dân gắn bó keo sơn. Có thể khẳng định, Tà Thiết là niềm tự hào không chỉ của quân và dân Bình Phước mà còn của toàn dân tộc Việt Nam.

Với những giá trị lịch sử to lớn của Căn cứ Tà Thiết, ngày 16-11-1988, Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã công nhận Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam là di tích lịch sử cấp quốc gia. Đây là sự ghi nhận kịp thời và xứng đáng đối với một căn cứ đã đi vào huyền thoại trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc ở thế kỷ XX.

*

Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước, đặc biệt là công cuộc bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, di tích Tà Thiết đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nằm trong khu vực Đông Nam Bộ, nơi có thể kết nối với các nước trong khu vực Đông Nam Á như Campuchia, Lào và cả vùng đông bắc Thái Lan, di tích Tà Thiết có vị trí, vai trò đặc biệt. Đối với khu vực Đông Nam Bộ, Tà Thiết là một địa danh quan trọng trong hệ thống di tích lịch sử cách mạng miền Nam, là điểm đến không thể thiếu trong suốt hành trình tham quan, nghiên cứu, học tập của nhân dân. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó có vấn đề đẩy mạnh phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ, hướng tới tăng dần tỷ trọng kinh tế dịch vụ, Tà Thiết là một trong những điểm nhấn, là điểm trọng tâm để thực hiện chiến lược nói trên. Trong đó, giải pháp tối ưu là đẩy mạnh phát triển các loại hình kinh tế liên quan đến phát triển du lịch của di tích này. Đối với sự nghiệp giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục lòng yêu nước cho các thế hệ trẻ, Tà Thiết

đóng vai trò chủ đạo và quan trọng không chỉ với nhân dân địa phương mà còn với toàn thể nhân dân Việt Nam.

Gần 30 năm thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị, di tích Tà Thiết đã có những đóng góp nhất định trong việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước cách mạng và góp phần cho công tác nghiên cứu khoa học của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân có nhu cầu. Tuy nhiên, thành tựu đó vẫn còn khiêm tốn so với tiềm năng và giá trị vốn có của di tích này. Ở một góc độ khác, những giá trị của di tích Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam là nguồn tri thức lịch sử vô tận để các thế hệ nghiên cứu, khám phá. Việc nhận thức đầy đủ về di tích này luôn là vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài tỉnh.

Xuất phát từ những vấn đề cơ bản nêu trên, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phối hợp với Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tổ chức Hội thảo khoa học: *“Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam tại Tà Thiết (1972-1975)”*. Hội thảo là dịp để các nhà nghiên cứu tiếp tục phát hiện, công bố những thông tin lịch sử liên quan đến Căn cứ này trong kháng chiến chống Mỹ. Đồng thời, đây cũng là dịp để các cơ quan, các nhà nghiên cứu đánh giá kết quả quá trình tổ chức thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di tích Tà Thiết trong thời gian qua; tiếp tục nghiên cứu đánh giá vị trí, vai trò của di tích trong thời gian tới, qua đó, đề xuất, dự báo xu hướng bảo tồn và phát triển di tích này phù hợp trong tình hình mới. Với mục đích và ý nghĩa đó, tôi xin phép được tuyên bố khai mạc Hội thảo khoa học: *“Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1972-1975)”*.

Xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc! Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

NGHIÊN CỨU CĂN CỨ BỘ CHỈ HUY QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM TẠI TÀ THIẾT TRONG GIAI ĐOẠN CUỐI CỦA CUỘC CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG LÀ NHIỆM VỤ VỪA CÓ Ý NGHĨA KHOA HỌC, VỪA CÓ TÍNH THỰC TIỄN CAO¹

Trung tướng TRẦN ĐƠN

Ủy viên Trung ương Đảng, Tư lệnh Quân khu 7

Học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: căn cứ địa cách mạng, hậu phương cách mạng là một trong những nhân tố thường xuyên có ý nghĩa quyết định vận mệnh của cuộc chiến tranh. Thấm nhuần những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng căn cứ địa, hậu phương cách mạng, ngay từ khi ra đời, Đảng ta, khi xác định con đường bạo lực cách mạng để đánh đổ kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc, đã đặt vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng, hậu phương cách mạng. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, kế thừa truyền thống đấu tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc, Đảng ta đã tập trung lãnh đạo xây dựng căn cứ địa kháng chiến, coi đó là một bộ phận quan trọng trong đường lối chiến tranh nhân dân chống xâm lược. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trong tác phẩm *Mấy vấn đề về*

1. Báo cáo đề dẫn Hội thảo.

*đường lối quân sự của Đảng ta*¹ đã chỉ rõ, căn cứ địa là những vùng độc lập hoặc vùng vừa được giải phóng xuất hiện trong vòng vây của địch, cách mạng dựa vào đó để tích lũy và phát triển lực lượng của mình về mọi mặt, tạo thành những trận địa vững chắc về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, lấy đó làm nơi xuất phát để mở rộng dần ra, cuối cùng tiến lên đánh bại kẻ thù, giải phóng hoàn toàn đất nước. Căn cứ địa là chỗ đứng chân của cách mạng, đồng thời là chỗ dựa để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang cách mạng; trên ý nghĩa đó, nó cũng là hậu phương của chiến tranh cách mạng.

Tại miền Đông Nam Bộ, trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, quán triệt đường lối chiến tranh cách mạng và nghệ thuật quân sự của Đảng ta, Tỉnh ủy các tỉnh, Khu ủy, Xứ ủy, Trung ương Cục miền Nam đã lãnh đạo xây dựng chỗ đứng chân, xây dựng hậu phương tại chỗ, tạo thành một hệ thống căn cứ địa thông nối và đan xen trên toàn bộ địa bàn. Các căn cứ địa đã thực sự trở thành nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo; nơi trú ẩn, bảo tồn và phát triển lực lượng kháng chiến; nơi tích lũy và xây dựng các cơ sở chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; nơi các lực lượng vũ trang củng cố, học tập, huấn luyện và làm chỗ dựa để xuất phát tiến công quân địch trên các chiến trường.

Nằm trong hệ thống các căn cứ địa của miền Đông Nam Bộ, Căn cứ Tà Thiết với những đặc điểm riêng của mình, đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của quân và dân miền Đông Nam Bộ, quân và dân cả nước, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

1. Võ Nguyên Giáp: *Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1970, tr.90.

Thiết thực kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975 - 30-4-2015), Bộ Tư lệnh Quân khu 7 phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước tổ chức Hội thảo khoa học: *Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam tại Tà Thiết (1972-1975)*, nhằm mục đích:

- Góp phần phục dựng nội dung lịch sử của di tích Căn cứ Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam (Căn cứ Tà Thiết) giai đoạn 1972-1975. Đánh giá vai trò, vị trí lịch sử của Căn cứ Tà Thiết trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

- Xác định giá trị tiêu biểu của di tích, cung cấp những luận cứ khoa học cho việc thu thập tài liệu, thiết lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt di tích Căn cứ Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam là di tích quốc gia đặc biệt. Từ đó, dự báo xu hướng phát triển, giúp các ngành, các cấp có những lựa chọn phù hợp, khoa học để tôn tạo, phát huy giá trị di tích trong tương lai.

Với những ý nghĩa nêu trên, Căn cứ Tà Thiết cần được nghiên cứu một cách vừa có bề rộng, vừa có chiều sâu. Tại cuộc Hội thảo này, xin đề nghị các đại biểu tập trung tham luận vào một số nội dung chủ yếu sau đây:

1. Trong quá trình lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống xâm lược, các cấp Đảng bộ địa phương đều chú trọng xây dựng căn cứ địa cho riêng địa phương mình. Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định có An Phú Đông, Rừng Sác, Vườn Thơm - Bà Vù, Tân Mỹ - Bình Lý, Củ Chi; Biên Hòa có Tân Uyên - Chiến khu Đ; Bà Rịa có khu Tây, Xuyên Mộc; Thủ Dầu Một có Long Nguyên, An Thành, Bến Cát; Long An có Mộc Hóa, Đồng Tháp Mười; Tây Ninh có Bời Lời, Dương Minh Châu, v.v.. Trên thực tế, các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy, Trung ương Cục,

Bộ Tư lệnh Nam Bộ, Bộ Chỉ huy Miền đều chủ yếu đứng chân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta tập trung xây dựng Căn cứ Tà Thiết trên địa bàn tỉnh Bình Phước - nơi đứng chân của Quân ủy - Bộ Chỉ huy Miền, nơi xuất phát những mệnh lệnh quan trọng trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, nơi đặt Sở Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Vậy Tà Thiết có những lý do riêng để các cơ quan đầu não kháng chiến chọn làm nơi xây dựng căn cứ. Lý do riêng ấy là gì? Nói cách khác, làm rõ những đặc điểm về địa lý chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa ở vùng Căn cứ Tà Thiết chính là chúng ta giải thích được vị trí, vai trò lịch sử của Căn cứ Tà Thiết trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

2. Nghiên cứu Căn cứ Tà Thiết trong giai đoạn cuối của chiến tranh giải phóng, trước hết là nghiên cứu đường lối đấu tranh cách mạng của Đảng ta trong tiến hành chiến tranh chống xâm lược và sự vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của các cấp bộ Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng căn cứ địa, xây dựng hậu phương chiến tranh nhân dân tại Bình Phước. Quá trình đó diễn ra một cách hệ thống và toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa - xã hội. Trong sự chỉ đạo của các cấp bộ Đảng ở địa phương, cần làm rõ những đóng góp về mặt thực tiễn và lý luận vào kho tàng nghệ thuật quân sự Việt Nam. Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần nghiên cứu sâu sắc hơn vai trò của quần chúng nhân dân trong xây dựng và bảo vệ căn cứ địa; đặc biệt là vai trò của đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào tín đồ các tôn giáo, về mối tương quan ba thứ quân trong hoạt động xây dựng và bảo vệ căn cứ địa, hoạt động tác chiến tiêu diệt địch.

3. Bình Phước có đường biên giới chung với Vương quốc Campuchia. Do cấu trúc địa hình tương đối bằng phẳng, lại có đường giao thông thủy, bộ thuận lợi, từ xa xưa trong lịch sử, nhân dân vùng giáp biên giới của hai nước có tập quán thường xuyên qua lại, giao lưu buôn bán làm ăn và đoàn kết chống thực dân, đế quốc xâm lược. Đặc biệt, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân và lực lượng vũ trang hai nước đã sát cánh bên nhau cùng chiến đấu chống kẻ thù chung, thúc đẩy sự nghiệp kháng chiến của mỗi nước tiến tới thắng lợi. Đây là một nội dung quan trọng không thể không đề cập khi nghiên cứu Căn cứ Tà Thiết trong chiến tranh giải phóng.

4. Nghiên cứu vai trò của Căn cứ Tà Thiết, theo quan điểm biện chứng, là nghiên cứu trong mối quan hệ với địa bàn Lộc Ninh và hệ thống căn cứ của tỉnh Bình Phước, của cả miền Đông Nam Bộ. Do đó, sự tồn tại của Căn cứ Tà Thiết có sự kết hợp chặt chẽ với các thành phần khác trong hệ thống căn cứ của miền Đông Nam Bộ, bảo đảm cho hoạt động chỉ đạo, chỉ huy của Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền được thông suốt. Trong điều kiện hòa bình, việc xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, xây dựng căn cứ hậu phương chiến lược cũng cần phải tính toán, học tập từ kinh nghiệm của việc xây dựng và bảo vệ căn cứ Tà Thiết.

*

Việc nghiên cứu Căn cứ Tà Thiết, căn cứ của Quân ủy - Bộ Chỉ huy Miền trong thời điểm hiện nay là việc làm hết sức cần thiết, nhằm làm sáng tỏ mọi khía cạnh trong lịch sử hình thành và phát triển, các đặc điểm cũng như vai trò của Căn cứ Tà Thiết trong thời kỳ 1972-1975, cũng có nghĩa là làm sáng tỏ và sâu sắc hơn sự nghiệp kháng chiến của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bình Phước nói riêng và miền Đông Nam Bộ

nói chung. Qua đó, rút ra những bài học kinh nghiệm để vận dụng vào quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên địa bàn tỉnh, tạo nên sức mạnh tổng hợp, sẵn sàng đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Trên cơ sở đó, xác định chủ trương đúng đắn và tìm ra các biện pháp thực hiện có hiệu quả về xây dựng, phát triển kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa - xã hội trên vùng căn cứ kháng chiến cũ, xây dựng tỉnh Bình Phước nói riêng, địa bàn các tỉnh miền Đông Nam Bộ nói chung ổn định về chính trị, phát triển về kinh tế - xã hội, vững mạnh về quốc phòng - an ninh. Từ kết quả nghiên cứu này, các nhà khoa học sẽ đề xuất những phương hướng, nội dung, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị của di tích Tà Thiết trong thời gian tới.

Mong rằng cuộc Hội thảo của chúng ta sẽ đạt được mục đích đề ra và thành công tốt đẹp!

PHẦN MỘT
CĂN CỨ TÀ THIẾT - “ĐỊA CHỈ ĐỎ”

THƯ VIỆN TỈNH
BÌNH PHƯỚC

ĐC/204

QUÂN ỦY VÀ BỘ CHỈ HUY MIỀN - BỘ PHẬN PHÍA TRƯỚC CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG VÀ BỘ QUỐC PHÒNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Thượng tướng NGUYỄN THÀNH CUNG

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,

Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương,

Thứ trưởng Bộ Quốc phòng

Trong cuộc đụng đầu lịch sử giữa nhân dân Việt Nam và đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1975), Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) có nhiều quyết định đúng đắn, sáng suốt và kịp thời về tổ chức chỉ đạo chiến lược, trong đó có quyết định thành lập Quân ủy và Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam (thường gọi là Bộ Chỉ huy Miền)¹. Đặt trong bối cảnh cuộc chiến tranh diễn ra vô cùng ác liệt, chiến trường bị chia cắt, vị trí, vai trò của Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền ngày càng được khẳng định rõ nét, thực sự là “bộ phận phía trước” của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, góp phần to lớn vào

1. Tháng 1-1961, Tổng Quân ủy ra chỉ thị thành lập Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Ngày 01-02-1961, Quân giải phóng miền Nam Việt Nam chính thức được thành lập dưới sự lãnh đạo của Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam (gọi tắt là Bộ Chỉ huy Miền, từ ngày 18-3-1971 gọi là Bộ Tư lệnh Miền). Trong cuốn sách này, để thống nhất và bạn đọc tiện theo dõi, xin được gọi chung là Bộ Chỉ huy Miền (BT).

quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

*

1. Trước hết, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền ra đời xuất phát từ yêu cầu phát triển tất yếu, khách quan của cách mạng miền Nam, trực tiếp thực hiện chức năng của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng trên một chiến trường trọng điểm.

Sau phong trào Đồng khởi (1959-1960), cách mạng miền Nam có bước phát triển mạnh mẽ, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Để đối phó, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “chiến tranh đặc biệt” - hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự Mỹ, dựa vào trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại do Mỹ viện trợ. Thực hiện chiến lược mới đề ra, quân đội Sài Gòn tăng cường các cuộc hành quân bình định dồn dân vào “ấp chiến lược”, sử dụng nhiều chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”... chống phá cách mạng trên khắp chiến trường, đánh sâu cả vào căn cứ kháng chiến “gây cho ta không ít khó khăn, lúng túng trong việc bảo vệ hậu phương và căn cứ tại chỗ, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy của ta”¹. Trên chiến trường trọng điểm B2 (Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên), địch dồn toàn lực đánh phá, gây cho cách mạng nhiều khó khăn, tổn thất.

Đối phó với âm mưu và hành động tăng cường chiến tranh của địch, Trung ương Đảng ta đã chủ trương chuyển cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần phát triển

1. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.47.

lên chiến tranh cách mạng, nâng cao vai trò đấu tranh quân sự, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị; đánh địch bằng ba mũi giáp công trên cả ba vùng chiến lược, phát huy sức mạnh to lớn của chiến tranh nhân dân ở miền Nam. Để thực hiện chủ trương chuyển hướng chiến lược, vấn đề tổ chức cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng ở chiến trường sao cho phù hợp là một trong những nội dung trọng yếu được Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương bàn thảo nhiều lần. Trên cơ sở xác định chiến trường Nam Bộ, cục Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên (B2) là chiến trường trọng điểm, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi cuối cùng của cách mạng miền Nam, đầu năm 1961, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền¹, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng. Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền thực hiện nhiệm vụ: Tham mưu cho Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; trực tiếp chỉ đạo và chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân chiến đấu chống quân xâm lược và bè lũ tay sai trên toàn chiến trường Nam Bộ và cục Nam Trung Bộ, thực hiện chức năng của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng trên một chiến trường trọng điểm.

2. Trong suốt 15 năm hoạt động (1961-1976), qua từng giai đoạn đấu tranh cách mạng, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần quyết định vào thắng lợi cuối cùng của chiến tranh giải phóng, xứng đáng là “bộ phận phía trước” của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng.

1. Lúc đầu gọi là Đảng ủy và Ban Quân sự Miền. Tháng 10-1963, chính thức tên gọi Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền.

Ngay sau khi được thành lập, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đi vào hoạt động, bắt nhịp với yêu cầu của cuộc kháng chiến để làm tốt công tác tham mưu cho Trung ương Cục miền Nam, trực tiếp chỉ đạo khôi phục và thiết lập hệ thống chỉ huy quân sự thông suốt từ cấp Miền xuống cơ sở, làm chỗ dựa vững chắc cho xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh quân sự. Chỉ trong một thời gian ngắn, được sự chi viện của miền Bắc, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đã xây dựng được các đơn vị chủ lực mạnh cấp trung đoàn, cùng các tiểu đoàn mũi nhọn đứng chân vùng ven, các đơn vị biệt động sẵn sàng hoạt động ngay trong các đô thị, nhất là Sài Gòn - Gia Định. Bên cạnh đó, lực lượng vũ trang địa phương không ngừng phát triển, làm chỗ dựa vững chắc cho phong trào chiến tranh du kích chống kế hoạch “bình định” của địch. Trên cơ sở lực lượng ngày càng lớn mạnh, chấp hành chủ trương của Trung ương Cục miền Nam, tranh thủ thời cơ, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đã chỉ huy lực lượng vũ trang, lấy chủ lực làm nòng cốt, mở những cuộc tiến công táo bạo, bất ngờ, giành thắng lợi vang dội. Điển hình như trận pháo kích sân bay Biên Hòa (31-10-1964), các chiến dịch: Bình Giả (02-12-1964 - 03-01-1965), Đồng Xoài (10-5-1965 - 22-7-1965)... tạo sức mạnh góp phần làm phá sản chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của địch.

Thất bại trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, từ tháng 3-1965, Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh, quân một số nước đồng minh cùng nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam, chính thức chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”. Dựa vào quân đông, hỏa lực mạnh, sức cơ động cao, đế quốc Mỹ tập trung lực lượng mở các cuộc phản công chiến lược trong mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 (trọng điểm là miền Đông Nam Bộ thuộc B2) nhằm “tìm diệt” cơ quan đầu não kháng chiến,

đánh bại quân chủ lực giải phóng và bình định nông thôn, giành thắng lợi quyết định trong chiến tranh để nhanh chóng rút quân về nước. Thực hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của Trung ương Đảng, trên cơ sở những chủ trương lãnh đạo của Trung ương Cục, trên chiến trường B2, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền tập trung xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân ngày càng lớn mạnh, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển những quả đấm chủ lực cấp sư đoàn, các binh chủng trang bị vũ khí hiện đại. Vận dụng sáng tạo tư tưởng chiến lược tiến công, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đã chỉ đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang đẩy mạnh các phương thức tác chiến, mở các chiến dịch phản công, tiến công làm thất bại hoàn toàn các cuộc hành quân “tìm diệt” trong các mùa khô của quân viễn chinh Mỹ (Grim, Attenbơơ, Xêđa Phôn, Gianxon Xity, v.v.); phối hợp với đòn đánh của bộ đội chủ lực, phong trào chiến tranh du kích phát triển rộng khắp, đánh địch bình định ở vùng nông thôn đồng bằng, vùng ven đô thị... góp phần giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường, tạo tình thế mới cho cách mạng. Những thắng lợi giành được trên chiến trường miền Nam nói chung, chiến trường B2 nói riêng trong những năm 1965-1967 giúp Trung ương Đảng ta hạ quyết tâm mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đồng loạt đánh vào hệ thống đô thị - cơ quan đầu não của địch trên khắp chiến trường, buộc chúng phải xuống thang, tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh (thực chất là thừa nhận thất bại của chiến lược “chiến tranh cục bộ”), chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để bàn về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam tại Hội nghị Pari.

Đầu năm 1969, Níchxơn lên làm Tổng thống Mỹ, tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, đề ra chiến lược

“Việt Nam hóa chiến tranh”, đồng thời mở rộng chiến tranh xâm lược sang Campuchia, tăng cường chiến tranh xâm lược Lào. Thực hiện chiến lược chiến tranh mới, chính quyền Níchxơn ra sức viện trợ quân sự, nhằm tăng cường sức mạnh chiến đấu cho quân đội Sài Gòn, chuẩn bị thay thế cho quân viễn chinh Mỹ và quân đồng minh rút về nước. Có được lực lượng bổ sung, lợi dụng những khó khăn của cách mạng sau Mậu Thân (1968), địch ra sức đẩy mạnh chương trình “bình định”. Chỉ tính riêng trên chiến trường B2, từ năm 1969 đến năm 1973, địch tập trung dồn sức triển khai nhiều chương trình bình định quy mô lớn, thời gian kéo dài với tính chất quyết liệt chưa từng có. Cách mạng miền Nam trong những năm 1969-1970 gặp muôn vàn khó khăn. Cơ quan Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền cùng nhiều đơn vị chủ lực phải rút lên khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia đứng chân.

Tuy nhiên, trong những lúc khó khăn tưởng chừng không vượt qua được, quán triệt chủ trương lãnh đạo của cấp trên, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đã thể hiện rõ bản lĩnh, vai trò, trách nhiệm “bộ phận tiền phương” của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, tiếp tục làm tốt chức năng tham mưu cho Trung ương Cục; đồng thời củng cố hệ thống tổ chức các cơ quan trực thuộc, các đơn vị vũ trang. Nhận định chính xác âm mưu và hành động chiến tranh xâm lược Campuchia của Mỹ - chính quyền Sài Gòn, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đã chủ động, kịp thời lãnh đạo lực lượng vũ trang Miền phối hợp chặt chẽ với quân dân Lào và Campuchia tổ chức lực lượng mở nhiều chiến dịch phản công, tiến công đập tan cuộc hành quân xâm lấn của địch, mở rộng vùng giải phóng, nối thông hành lang chi viện chiến lược, tiếp nhận sự chi viện ngày càng lớn của hậu phương miền Bắc. Nhờ đó, lực lượng vũ trang B2 có điều kiện phục hồi và phát triển nhanh chóng, bảo đảm đủ sức

tiến hành cuộc tiến công chiến lược trong Xuân - Hè 1972, giành thắng lợi quyết định, mở ra cục diện mới trên chiến trường theo chiều hướng có lợi cho ta.

Do chịu những thất bại nặng nề, tháng 1-1973, Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Nhưng với bản chất ngoan cố, hiếu chiến, đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục viện trợ kinh tế, quân sự cho chính quyền Sài Gòn nhằm phá hoại Hiệp định, huy động lực lượng mở những chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” nhằm xóa bỏ vùng giải phóng, thực hiện chương trình “bình định”, v.v.. Thực chất đó là hành động tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền đã kịp thời chỉ đạo các lực lượng vũ trang nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đánh bại những cuộc hành quân lấn chiếm của địch, kiên quyết bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được. Đặc biệt, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đã tổ chức thắng lợi chiến dịch đường 14 - Phước Long. Đây là thắng lợi có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cách mạng miền Nam trong giai đoạn cuối của kháng chiến, là “đòn trình sát chiến lược” thăm dò khả năng phản ứng của Mỹ, từ đó giúp Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương quyết định xây dựng kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam. Để đón thời cơ chiến lược, bên cạnh việc chỉ huy các hoạt động tác chiến, Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền ra sức củng cố, xây dựng lực lượng, nhất là khối chủ lực, như thành lập Quân đoàn 4, thành lập các sư đoàn của các quân khu trực thuộc, các đơn vị biệt động xung quanh Sài Gòn...

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền đã vừa chỉ đạo các lực lượng vũ trang Miền phối hợp chặt chẽ với các cánh quân chủ lực khác mở đòn tiến công chiến lược cuối cùng, đánh chiếm các mục

tiêu trọng yếu, cơ quan đầu não của chính quyền Sài Gòn, vừa chỉ đạo lực lượng vũ trang hỗ trợ nhân dân địa phương nổi dậy giành quyền làm chủ theo phương thức tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền chỉ đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ quân quản, ổn định tình hình và tham gia giải quyết một số công việc hậu chiến. Ngày 07-7-1976, cùng với Trung ương Cục miền Nam, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền giải thể, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một cơ quan chỉ huy chiến lược - “bộ phận phía trước” của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng.

3. Quá trình ra đời và hoạt động của Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã để lại cho chúng ta những bài học sâu sắc:

Một là, luôn quán triệt sâu sắc đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng, coi đây là yếu tố quyết định bảo đảm thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thắng lợi trước hết là nhờ có sự lãnh đạo của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam với đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Là “bộ phận phía trước” của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, trong suốt quá trình hoạt động, Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền luôn chấp hành chủ trương, đường lối chính trị và quân sự của Đảng, dựa vững vào nghị quyết của cấp trên để xây dựng lực lượng vũ trang, trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang chiến đấu. Nhờ đó, dù phải thực hiện nhiệm vụ hết sức nặng nề ở một chiến trường lớn, trọng điểm, nhưng Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Hai là, nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và các mặt công tác khác. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chiến trường Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ là chiến trường trọng điểm, nên mọi chiến lược chiến tranh, mọi thủ đoạn đánh phá của địch đều tập trung hướng vào chiến trường này. Đó là cuộc chiến tranh chưa có tiền lệ trong lịch sử. Phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền đã kịp thời nắm bắt tình hình, dự báo chính xác âm mưu và hành động của địch, từ đó lập kế hoạch sẵn sàng đối phó, hoặc chủ động mở những đòn tiến công táo bạo, bất ngờ, giành thắng lợi to lớn, mở ra bước ngoặt phát triển của cách mạng. Những chiến thắng Bình Giã, Phước Long ở miền Nam, đập tan cuộc hành quân xâm lấn của địch ở Campuchia... là những ví dụ điển hình.

Ba là, kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ chiến đấu với củng cố, xây dựng lực lượng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là cuộc chiến tranh dài ngày, diễn ra liên tục và khốc liệt nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Kẻ thù của nhân dân Việt Nam là đế quốc Mỹ với tiềm lực kinh tế, quân sự lớn mạnh gấp nhiều lần. Địch đã tung vào cuộc chiến tranh tất cả sức mạnh vật chất có thể huy động được (quân đông, vũ khí hiện đại, khối lượng bom đạn lớn...). Để đương đầu và đánh thắng, quân và dân ta vừa phải chiến đấu, vừa kết hợp với củng cố, xây dựng lực lượng. Đây cũng là bài học kinh nghiệm được rút ra trong chiến tranh giải phóng. Trong quá trình hoạt động, chấp hành đúng đường lối kháng chiến đề ra, Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền đã thực hiện tốt hai nhiệm vụ này trong từng giai đoạn phát triển của cách mạng cũng như trong suốt cuộc kháng chiến, và nó được kiểm chứng bằng chính những kết quả thực tiễn giành được trên chiến trường.

Như vậy, sự ra đời và hoạt động của Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nghệ thuật tổ chức điều hành chiến tranh vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chỉ đạo chiến lược - “bộ phận phía trước” của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền đã giải quyết thành công những yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng đề ra, góp phần quan trọng vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

CĂN CỨ TÀ THIẾT - NƠI XUẤT PHÁT CÁC CHỈ ĐẠO QUAN TRỌNG TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ

Trung tướng NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị

Trải qua 30 năm tiến hành chiến tranh chống xâm lược, quân và dân ta đã quán triệt, nắm vững và thực hiện xuất sắc học thuyết quân sự Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, đưa nghệ thuật quân sự nói chung và nghệ thuật xây dựng, sử dụng hệ thống các căn cứ địa cách mạng Việt Nam phát triển đến đỉnh cao, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, căn cứ địa Việt Bắc trở thành “thủ đô kháng chiến” của cả nước. Trong kháng chiến chống Mỹ, Vĩnh Linh, Chiến khu Đ, Tây Ninh... trở thành “thủ đô kháng chiến” của miền Nam. Mặt khác, trên từng khu, tỉnh, huyện, xã đều có các căn cứ địa cách mạng riêng. Từ đây, các chủ trương chiến lược, kế hoạch, biện pháp tiến hành kháng chiến, tác chiến chiến dịch... đã được Bộ Chỉ huy - trung tâm đầu não quyết định, ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện trên tất cả các chiến trường; đồng thời, mọi sự an nguy đối với căn cứ đều có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ phát triển của cuộc kháng chiến ở từng vùng, thậm chí trên toàn bộ cục diện chiến trường.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chiến trường Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên (gọi là B2) giữ một vị trí chiến lược cực kỳ quan trọng. Chỉ huy trực tiếp các lực lượng vũ trang cách mạng trên địa bàn này là Bộ Tư lệnh các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam - Bộ Chỉ huy Miền. Bộ Chỉ huy Miền đặt dưới sự lãnh đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, trực tiếp là Trung ương Cục và sự chỉ đạo, chỉ huy của Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh¹. Theo đó, những khu căn cứ - nơi được lựa chọn dành cho Bộ Chỉ huy Miền đóng quân luôn có ý nghĩa mang tầm chiến lược.

Căn cứ Tà Thiết nằm trong hệ thống các căn cứ địa của cuộc kháng chiến chống Mỹ và giữ một vị trí chiến lược quan trọng. Đây là căn cứ cuối cùng của Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền, là căn cứ cơ bản của Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định - nơi xuất phát các chỉ đạo quan trọng, góp phần làm nên thắng lợi vẻ vang của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, đứng trước bước ngoặt lớn của cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam, chấp hành Nghị quyết của Trung ương Đảng và Trung ương Cục, ngay từ tháng 1-1973, Bộ Chỉ huy Miền phải giải quyết hàng loạt vấn đề hết sức khẩn trương nhằm tranh chấp lợi thế với Mỹ - ngụy cả về quân sự, chính trị và ngoại giao. Theo đó, để ổn định nơi đứng chân, tạo thuận lợi cho cuộc đấu tranh, Bộ Chỉ huy Miền đã dời căn cứ từ Tây Ninh về xây dựng mới tại Tà Thiết (một xóm nhỏ của người dân tộc Khmer tại xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước), tiền thân nơi đây là Sở Chỉ huy

1. Võ Nguyên Giáp: *Thư gửi Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Ban Nghiên cứu biên soạn lịch sử Bộ Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam*, Lưu trữ tại Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7.

tiền phương của Chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972. Với tình thần rất khẩn trương, trong một thời gian ngắn triển khai xây dựng, đến cuối quý I năm 1973, tất cả các cơ quan trong Bộ Chỉ huy Miền và các đơn vị trực thuộc đã ổn định nơi ăn, chốn ở và làm việc tại đây. Lý do chọn Tà Thiết làm căn cứ của Bộ Chỉ huy Miền là ở đây có điều kiện khí hậu ít khắc nghiệt hơn bắc Tây Ninh; đồng thời, Lộc Ninh là huyện đầu tiên của miền Nam được giải phóng và có thể rừng giải phóng rộng lớn; đặc biệt đây là điểm cuối của đường mòn Hồ Chí Minh nên có thể chiến lược, có điều kiện để nắm bắt nhanh mọi diễn biến về chính trị, quân sự... và rất thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo tiếp nhận cơ sở vật chất, vũ khí, trang bị, hậu cần phục vụ cho chiến trường miền Nam. Mặt khác, việc chúng ta chọn Tà Thiết cũng gây bất ngờ đối với địch, vì trước đó các căn cứ của Bộ Chỉ huy Miền thường đóng ở rừng sâu, nay lại chuyển ra ở một khu vực có dân, có rẫy...

Bộ Chỉ huy Miền lúc này gồm đồng chí Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục, Bí thư Quân ủy Miền kiêm Chính ủy cùng nhiều đồng chí cán bộ chủ chốt khác. Những nỗ lực nổi bật của Bộ Chỉ huy Miền trong giai đoạn lịch sử này (từ 3-1973 đến 4-1975) đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Bộ Quốc phòng và Trung ương Cục giao. Trên cơ sở nhận định chính xác âm mưu và hành động ngoan cố phá hoại Hiệp định Pari của địch, Bộ Chỉ huy Miền đã kịp thời chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng vũ trang đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, giành đất, giành dân, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, hành lang vận tải, giao thông liên lạc nối liền với Trung ương; chỉ đạo xây dựng, kiện toàn và phát triển toàn diện lực lượng vũ trang, nhất là lực lượng chủ lực, thành lập Quân đoàn 4, một số sư đoàn của các quân khu và một số đoàn đặc công, đơn vị biệt động xung quanh Sài Gòn;

tăng cường củng cố hệ thống chỉ huy và tiềm lực dự trữ, bảo đảm trang bị, binh khí kỹ thuật, hậu cần và đẩy mạnh công tác huấn luyện nâng cao sức mạnh chiến đấu, khả năng tác chiến, cơ động đối với các lực lượng trên các hướng, các chiến trường, chuẩn bị sẵn sàng tiến lên giải phóng miền Nam khi có thời cơ; đồng thời có những đóng góp to lớn cùng Bộ Tổng Tham mưu xây dựng kế hoạch giải phóng miền Nam, trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang B2 thực hiện thắng lợi các đòn tiến công đợt 1 mùa khô 1974 - 1975. Đặc biệt tại Căn cứ Tà Thiết, Bộ Chỉ huy Miền đã có những đóng góp to lớn ban hành các chỉ đạo quan trọng trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cụ thể:

Một là, quán triệt sâu sắc sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, nắm chắc tình hình, chủ động đề xuất phương án tác chiến.

Để chuẩn bị cho Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định nhanh chóng diễn ra và chắc chắn giành thắng lợi, trên cơ sở quán triệt sâu sắc sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, nghiên cứu nắm chắc tình hình thực tiễn chiến trường, Bộ Chỉ huy Miền đã chủ động đề xuất phương án tác chiến lên Trung ương Cục và Bộ Chính trị. Nội dung chủ yếu của phương án là: Trước hết, thực hành chia cắt chiến lược (cắt quốc lộ 4, lộ 15, sông Lòng Tàu, giải phóng Xuân Lộc, uy hiếp Biên Hòa), kết hợp đánh phá kho tàng, sân bay, hậu cứ, tạo nên biến động lớn bên trong Sài Gòn. Khi đó, sử dụng lực lượng B2 là chủ yếu, tăng cường thêm từ hai sư đoàn đến một quân đoàn của Bộ Chỉ huy Miền thực hành tiến công trên năm hướng vào Sài Gòn; kết hợp hoạt động của đặc công, biệt động với phát động quần chúng nổi dậy, trong đánh ra, ngoài đánh vào, thực hiện tổng công kích và tổng khởi nghĩa giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Phương án trên về cơ bản được Trung ương Cục nhất trí; đồng

thời, Bộ Chính trị chỉ đạo: Để bảo đảm đánh nhanh, giải quyết nhanh, ta cần tổ chức chiến dịch quy mô lớn hơn, tập trung lực lượng ưu thế áp đảo địch (khoảng 15 sư đoàn) đánh thẳng vào Sài Gòn, tiêu diệt, bắt sống và làm tan rã toàn bộ quân địch, sau đó nếu đồng bằng sông Cửu Long chưa giải quyết xong, sẽ tiếp tục phát triển về đồng bằng, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Bộ Tổng Tham mưu đã điều động ba quân đoàn từ miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên vào tham gia Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định và sẽ có mặt ở B2 chậm nhất vào ngày 25-4-1975.

Tại Căn cứ Tà Thiệt, ngày 08-4-1975, đồng chí Lê Đức Thọ thay mặt Bộ Chính trị phổ biến Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) về việc thành lập Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, thành phần gồm: Đại tướng Văn Tiến Dũng (Tư lệnh); Bí thư Trung ương Cục Phạm Hùng (Chính ủy) và một số tướng lĩnh, cán bộ cao cấp của Bộ Chỉ huy Miền.

Trong khi triển khai phương án tác chiến, Bộ Chỉ huy Chiến dịch nhận thấy đây là một chiến dịch có ý nghĩa lịch sử vô cùng to lớn và quyết định đề nghị Trung ương đổi tên Chiến dịch Sài Gòn - Gia Định thành Chiến dịch Hồ Chí Minh. Phương án đã được Bộ Chính trị chấp thuận, trở thành nguồn động viên, khích lệ to lớn đối với tất cả các lực lượng đang từng bước khí thế chiến thắng tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Hai là, chỉ đạo các lực lượng tích cực, chủ động, sáng tạo, kiên quyết tạo thế, tạo lực cho Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Thực hiện sự chỉ đạo của Quân ủy Trung ương và Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp: “Sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ lực lượng đông đủ mới làm ăn” và “phải thần tốc, thần tốc toàn thắng, nhất định toàn

thắng”¹. Với tinh thần chủ động, sáng tạo, ngay từ đầu tháng 4-1975, Bộ Chỉ huy Miền đã chỉ huy lực lượng vũ trang B2 bắt đầu các đòn đánh chia cắt chiến lược, bao vây cô lập Sài Gòn, tạo thế cho chiến dịch cuối cùng. Ngày 09-4-1975, Quân đoàn 4 nổ súng tiến công căn cứ Đoàn 18 ngụy tại Xuân Lộc. Mặc dù được bổ sung thêm Sư đoàn 341, Sư đoàn 6 (Quân khu 7) và Trung đoàn 95 (Quân khu 5), nhưng do địch đã chủ động xây dựng Xuân Lộc trở thành khu vực phòng thủ rất mạnh, giữ vị trí then chốt, quyết định bậc nhất trong toàn bộ chiến lược phòng thủ của ngụy nên sau 5 ngày chiến đấu ta chưa dứt điểm được mục tiêu. Quân ngụy dồn lực lượng về đây và phản kích điên cuồng, chúng sử dụng những loại bom mới gây sát thương lớn (mà Mỹ vừa cung cấp) để ném xuống trận địa, khiến bộ đội ta thương vong cao, trận chiến giằng co ác liệt. Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh và Bộ Chỉ huy Miền chỉ đạo Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 thay đổi cách đánh, tránh chỗ mạnh của địch, đánh vào chỗ yếu nhưng hiểm, buộc địch phải bỏ Xuân Lộc. Theo đó, đồng chí Tư lệnh Miền Trần Văn Trà, đồng thời là Phó Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh trực tiếp xuống tận Sở Chỉ huy Quân đoàn 4 tại Chiến khu Đ để chỉ đạo, thông qua kế hoạch và bàn biện pháp hỗ trợ. Ngày 15-4-1975, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 tập trung lực lượng chuyển hướng đánh chiếm ngã ba Dầu Giây và Núi Thị, uy hiếp Sở Chỉ huy tiền phương của Quân đoàn 3 ngụy ở Trảng Bom, đánh quân ngụy phản kích ở Biên Hòa, Trảng Bom, đồng thời pháo kích mạnh để chế áp sân bay Biên Hòa, phòng tuyến Xuân Lộc bị chia cắt và mất tác dụng. Điểm phòng thủ Biên Hòa bị cô lập hoàn toàn, thiếu lực lượng bảo vệ. Các lực lượng của ta tiếp

1. Xem Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 11: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.424.

tục tiến công, đến ngày 20-4-1975, quân địch buộc phải tháo chạy khỏi Xuân Lộc về Biên Hòa; tuyến phòng thủ mạnh nhất của địch được mệnh danh là “cánh cửa thép” bảo vệ Sài Gòn đã bị đập tan. Ngày 23-4-1975, Tổng thống Mỹ buộc phải tuyên bố: Chiến tranh đã kết thúc đối với Mỹ, không thể giúp chính phủ Nam Việt Nam. Sự chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Miền làm nên chiến thắng có ý nghĩa quan trọng này đã tạo thế chiến lược: cánh cửa phía đông mở toang cho Quân đoàn 4, Quân đoàn 2 và Sư đoàn 3 (Quân khu 5) tiến vào Sài Gòn.

Ba là, chỉ đạo kịp thời các lực lượng thần tốc tiến về giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Trong khi lực lượng vũ trang B2 đẩy mạnh tiến công địch, các quân đoàn chủ lực của ta đều tập trung khắc phục khó khăn, thần tốc tiến về Sài Gòn để tham gia chiến dịch. Đến trước ngày 26-4-1975, với sự nỗ lực vượt bậc của lực lượng vũ trang B2 và cuộc hành quân thần tốc của các quân đoàn 1, 2, 3, ta đã hình thành được thế trận bao vây Sài Gòn từ nhiều hướng. Ở hướng đông, các Quân đoàn 4 và Quân đoàn 2 đã vào vị trí tập kết tại Long Khánh. Hướng tây và tây nam là các đơn vị thuộc cánh quân tây nam và nam, Đoàn 232 (tương đương cấp quân đoàn) cùng các lực lượng vũ trang Quân khu 8, Quân khu 9 đã bám dọc quốc lộ 4 từ đồng bằng sông Cửu Long về Sài Gòn. Hướng tây bắc và bắc trên vùng giải phóng rộng lớn từ Tây Ninh đến Phước Long, Quân đoàn 1 và Quân đoàn 3 đã tiến vào khu vực tập kết ở Nha Bích và Dầu Tiếng. Đồng thời lúc này, các tuyến đường chiến dịch đã được nối liền với tuyến chiến lược (ở cả hai phía tây và đông) và thông suốt trên các cánh, các hướng, bảo đảm cơ động cho cơ giới thần tốc tiến về giải phóng Sài Gòn.

Bên cạnh đòn tiến công mãnh liệt về quân sự, Bộ Chỉ huy Chiến dịch còn chỉ đạo xây dựng kế hoạch nổi dậy của quần

chúng làm chủ các phường, khóm, đường phố, công sở. Trước ngày nổ súng, Bộ Chỉ huy Miền công bố chính sách khoan hồng của cách mạng đối với tù binh, hàng binh để lôi kéo một bộ phận binh lính ngụy buông súng không chống cự, giảm bớt sự đối kháng. Cán bộ binh vận B2 còn lôi kéo được một số tướng lĩnh ngụy ngã về phía cách mạng. Phòng Quân báo Bộ Tham mưu B2 cung cấp cho Bộ Chỉ huy Chiến dịch đầy đủ hồ sơ binh yếu địa chí và các mục tiêu quan trọng trong nội đô, cử các chiến sĩ trinh sát dẫn đường cho các cánh quân đánh chiếm Sài Gòn.

Đúng 17 giờ ngày 26-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu. Quân ta mở cuộc tiến công trước trên hướng đông và đông nam Sài Gòn, tiếp đó tất cả các hướng đều nổ súng tiến công dồn dập, mãnh liệt. Trên hướng đông, Quân đoàn 4 đánh chiếm chi khu quân sự Trảng Bom; Quân đoàn 2 chiếm chi khu quân sự Long Thành, căn cứ Nước Trong. Trên hướng tây nam, ta cắt đứt đường số 4, Đoàn 232 sử dụng một sư đoàn mở cửa đánh chiếm đầu cầu ở An Ninh, Lộc Giang trên sông Vàm Cỏ để đưa lực lượng đột kích chủ yếu là Sư đoàn 9 và binh khí kỹ thuật qua sông, các Trung đoàn độc lập 24 và 88 tiến về phía nam quận 8 Sài Gòn. Ở hướng bắc, Quân đoàn 1 diệt một số trận địa pháo địch, làm chủ đoạn đường số 16 để đưa lực lượng thọc sâu, đã đứng cách phía bắc Thủ Dầu Một 7km. Tại hướng tây bắc, Quân đoàn 3 trong một ngày đêm đã diệt 11 trong số 18 trận địa pháo địch, cắt các đường số 22 và số 1, chặn các lực lượng địch từ Tây Ninh tháo chạy và co cụm về Đồng Dù. Một số đơn vị đặc công và Trung đoàn Gia Định đánh chiếm và làm chủ con đường vành đai Sài Gòn (đoạn từ cầu Bình Phước đến Quán Tre) và mở cửa qua các vật cản phía bắc sân bay Tân Sơn Nhất, chuẩn bị cho binh đoàn chủ lực tiến công. Ở hướng đông và tây bắc, quân địch chống cự quyết

liệt hòng chặn ta chiếm căn cứ Nước Trong, Hố Nai và không cho ta chia cắt giữa Tây Ninh với Sài Gòn. Nhưng trước sức ép tấn công áp đảo và cách đánh hiểm của ta, hệ thống phòng ngự của địch trên hướng này đã bị tan vỡ.

Như vậy, trong hai ngày đầu của chiến dịch (từ 26-4 đến 28-4-1975), Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã chỉ huy các cánh quân tập trung tiến công, tiêu diệt và đánh chiếm, phá tan các tuyến phòng thủ trực tiếp bảo vệ xung quanh Sài Gòn. 5 giờ sáng ngày 29-4-1975, Bộ Chỉ huy Chiến dịch lệnh cho các cánh quân tổng tiến công trên toàn mặt trận, ngăn chặn và tiêu diệt các đơn vị chủ lực của địch ở bên ngoài, đồng thời thọc sâu vào bên trong phối hợp cùng lực lượng tại chỗ chiếm các địa bàn quan trọng ven đô, làm tê liệt hoàn toàn sân bay Tân Sơn Nhất. 6 giờ sáng ngày 30-4-1975, các cánh quân đồng loạt tiến công vào nội thành, đến 9 giờ 30 sáng, qua Đài phát thanh Sài Gòn, Tổng thống ngụy Dương Văn Minh buộc phải tuyên bố xin ngừng bắn. Nhưng Bộ Chỉ huy Chiến dịch hạ lệnh cho các cánh quân tiếp tục tiến công đánh chiếm thật nhanh các mục tiêu đã định. 11 giờ 30 phút, Quân đoàn 2 đánh chiếm và cấm cờ giải phóng trên dinh Độc Lập, bắt gọn toàn bộ nội các ngụy quyền Sài Gòn. Đến trưa ngày 30-4, bộ đội ta đã đánh chiếm xong năm mục tiêu chủ yếu, làm chủ thành phố. Có thể khẳng định rằng cuộc tổng tiến công thần tốc của các cánh quân chủ lực kết hợp chặt chẽ với các lực lượng bộ đội địa phương và nổi dậy của quần chúng ở vùng ven và nội đô, đã tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn, khí thế áp đảo, quyết định, làm cho Chiến dịch Hồ Chí Minh diễn ra nhanh chóng và toàn thắng, thành phố hầu như giữ được nguyên vẹn.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Chiến dịch, trong trận quyết chiến chiến lược đánh vào Sài Gòn - Gia Định, lực lượng vũ trang B2 đã tham gia với lực lượng hai quân đoàn trong

năm quân đoàn, có ba mũi trong số sáu mũi tiến công; đặc biệt, đảm nhiệm hai hướng tiến công quan trọng phía đông và tây nam, đánh vỡ tuyến phòng ngự mạnh ở hướng đông của địch, tiêu diệt lực lượng cơ động chủ yếu của Quân đoàn 3 địch là Sư đoàn 18 và đại bộ phận Lữ đoàn 3 kỵ binh. Chặn và tiêu diệt hai sư đoàn địch ở phía tây nam, cắt đứt lộ 4, chặn địch rút chạy khỏi Sài Gòn hoặc tăng viện về Sài Gòn. Đánh ba trong năm mục tiêu quy định trong nội thành, đánh chiếm các khu vực dự trữ vật chất lớn của địch ở Long Bình, quận 5, quận 8, quận 10 và quận 11. Lực lượng tại chỗ chiếm các mục tiêu trọng yếu, các cầu cống, bảo đảm đường cơ động cho các binh đoàn thọc sâu đột phá. Quân chúng nổi dậy kết hợp với các mũi tiến công quân sự, nhanh chóng chiếm các cơ sở chính quyền quận, phường, khóm, thiết lập chính quyền giải phóng.

Bốn là, chỉ đạo quân và dân đồng bằng sông Cửu Long kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và nổi dậy giải phóng quê hương và chi viện cho Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Cùng với Chiến dịch Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy Miền, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã chỉ đạo các đơn vị chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương đồng bằng sông Cửu Long tiến công và nổi dậy nhằm đánh địch, giải phóng quê hương và chi viện cho Chiến dịch Hồ Chí Minh. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy ở đồng bằng sông Cửu Long đã diễn ra sôi nổi, nhanh gọn, giành thắng lợi hoàn toàn đúng kế hoạch đã định. Hầu hết các địa phương đã được giải phóng trong hai ngày 30-4 và ngày 1-5 (trừ một số đảo xa và vùng Hòa Hảo), hoàn thành nhiệm vụ giải phóng đồng bằng sông Cửu Long và toàn miền Nam, Tổ quốc thống nhất, cả nước bước sang thời kỳ tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là một bước phát triển mới của nghệ thuật quân sự Việt Nam, nhất là việc tổ chức chỉ huy, điều hành các chiến dịch một cách đồng thời và kế tiếp, vừa theo quyết tâm chiến lược cơ bản, vừa linh hoạt phát triển thần tốc khi xuất hiện thời cơ chiến lược. Trong quá trình thực hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, ta đã vận dụng sáng tạo nghệ thuật tác chiến chiến lược, vừa hoàn thành mục tiêu từng bước theo kế hoạch, vừa tạo điều kiện cho quá trình phát triển kế tiếp với ý định gây nên sự suy sụp đột biến cho phía địch và sẵn sàng tận dụng thời cơ đó để mở Chiến dịch Hồ Chí Minh giành thắng lợi quyết định có tính chiến lược toàn cục. Đó còn là nghệ thuật tạo ưu thế lực lượng trên những hướng chủ yếu, những hướng và chiến dịch mang tính quyết định, bảo đảm đánh địch trên thế mạnh áp đảo trong chiến dịch; đồng thời, trong quá trình chỉ huy chiến dịch, chúng ta còn sử dụng hiệu quả và sáng tạo nghệ thuật khuyếch trương chiến quả qua mỗi trận đánh, khiến càng về sau ta càng giành được thắng lợi lớn hơn và tiến tới thắng lợi cuối cùng trong thời gian ngắn, khiến nhiều thế lực bên ngoài không kịp can thiệp.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh là bước phát triển của nghệ thuật quân sự Việt Nam có sự đóng góp xứng đáng của lực lượng vũ trang B2 dưới sự chỉ đạo, chỉ huy của Trung ương Cục, Bộ Chỉ huy Miền tại Căn cứ Tà Thiết - nơi còn được gọi là “rừng Chính phủ”; đó cũng chính là kết quả chiến đấu 21 năm của lực lượng vũ trang B2, dưới sự chỉ đạo, chỉ huy của Bộ Chỉ huy Miền đã kiên trì trụ bám chiến trường, dũng cảm, sáng tạo, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách trên địa bàn chiến trường chính của cuộc chiến tranh, không

ngừng vươn lên xây dựng lực lượng và thế trận ngày càng phát triển vững chắc.

*

Trải qua 30 năm kháng chiến trường kỳ, từ hào khí Việt Bắc, chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu đến rừng Chiến khu D “miền Đông gian lao mà anh dũng” và Căn cứ Tà Thiết - nơi xuất phát các chỉ đạo, chỉ huy quan trọng trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc - đó là những biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng; đồng thời, là sự độc đáo trong nghệ thuật quân sự Việt Nam. Thực tiễn luôn vận động và phát triển, trong điều kiện hoàn cảnh mới, những nội dung cơ bản về xây dựng căn cứ địa của Trung ương Cục, Bộ Chỉ huy Miền tại chiến trường B2, đặc biệt là những kinh nghiệm lựa chọn, xây dựng Căn cứ Tà Thiết - nơi xuất phát các chỉ đạo quan trọng trong Chiến dịch Hồ Chí Minh vẫn là tài sản quý giá cần được tiếp tục nghiên cứu, vận dụng sáng tạo vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước ta được tiến hành trong bối cảnh thế giới, khu vực có những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường, nhất là những tranh chấp diễn ra gần đây trên Biển Đông. Các thế lực thù địch ráo riết đẩy mạnh “diễn biến hòa bình” với nhiều âm mưu, thủ đoạn hết sức thâm độc và nguy hiểm để chống phá cách mạng nước ta. Nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biên giới, hải đảo, sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa đặt ra những yêu cầu mới rất cao. Để đáp ứng yêu cầu đó, chúng ta phải không ngừng củng cố xây dựng

quốc phòng, an ninh vững mạnh, xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại (có một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại). Trong đó, phải hết sức coi trọng công tác nghiên cứu, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, xây dựng các khu vực phòng thủ quân khu, tỉnh (thành phố), quận (huyện) tạo thế liên hoàn vững chắc, gắn với xây dựng hệ thống các căn cứ chỉ huy chiến lược tại các địa bàn, các hướng trọng yếu trong phòng thủ đất nước, nhằm tạo thế chủ động, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống.

CĂN CỨ TÀ THIẾT VÀ VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG MIỀN ĐÔNG NAM BỘ - QUÂN KHU 7 TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

Trung tướng TRẦN ĐƠN

Ủy viên Trung ương Đảng, Tư lệnh Quân khu 7

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV nhấn mạnh: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những chiến công chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đã đi vào lịch sử của thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”¹. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, với vai trò là lực lượng nòng cốt trong phong trào cách mạng của quần chúng, lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ - Quân khu 7 đã phối hợp nhịp nhàng với bộ đội chủ lực cấp trên, với nhân

1. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.471.

dân địa phương trên cơ sở thế trận chiến tranh nhân dân được xây dựng vững chắc, lần lượt giải phóng các tỉnh miền Đông Nam Bộ; tạo thế đứng chân vững chắc cho bộ đội chủ lực thực hành tác chiến tiêu diệt địch; đặc biệt, trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh giải phóng 1972-1975, lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ - Quân khu 7 đã phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh Bình Long, Phước Long (nay là tỉnh Bình Phước) bảo vệ vững chắc căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam tại Tà Thiết - nơi xuất phát những mệnh lệnh tiến công trong tổng tấn công và nổi dậy Xuân 1975, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

*

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, miền Đông Nam Bộ luôn là một chiến trường trọng điểm, nơi đặt đại bản doanh, cơ quan đầu não của các đạo quân viễn chinh xâm lược và là “thủ đô” của các chế độ nguy quyền. Đây cũng là địa bàn diễn ra các đợt hoạt động quân sự, các chiến dịch lớn có ý nghĩa tác động đến cục diện chiến trường, đến tương quan lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng. Quá trình hình thành và phát triển của cách mạng cũng chính là quá trình lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ - Quân khu 7 luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn, gian khổ; dũng cảm, mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu và trong xây dựng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Chuẩn bị bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy Chiến dịch nhận định về địch như sau: với lực lượng Quân đoàn 3 (quân số 245.000, chủ lực có 152.000 với 6 sư đoàn, 5 lữ đoàn, 19 tiểu đoàn, pháo có 406 khẩu, 7 thiết đoàn với 624 xe, 800 máy bay với 229 chiếc chiến đấu, 862 tàu hải quân lớn nhỏ) cùng tàn quân Quân đoàn 1, Quân đoàn 2 và tổng dự bị rút về, địch đã tổ chức phòng thủ Quân khu 3 và Sài Gòn -

Gia Định với ý định tăng cường phòng thủ tuyến ngoài mạnh ở Tân An, Hậu Nghĩa, Củ Chi, Đồng Dù, Bến Cát, Phú Lợi, Hồ Nai, Long Bình; nội đô tổ chức thành từng khu vực phòng thủ. Hướng bắc và tây bắc Sài Gòn địch chú ý tăng cường; hướng tây và tây nam địch sơ hở hơn; hướng đông dựa vào hai sông lớn và có tăng cường lực lượng phòng ngự khá vững chắc, trong đó Sư đoàn bộ binh 18 phụ trách khu vực Bầu Cá, Trảng Bom, Sư đoàn thủy quân lục chiến phụ trách Long Bình, Lữ đoàn 3 kỵ binh phụ trách Biên Hòa - Long Bình.

Để tăng cường cho cánh quân tây nam Sài Gòn, Bộ Chỉ huy Miền thành lập Đoàn 232 (tương đương cấp quân đoàn) gồm hai sư đoàn bộ binh 3 và 5, các trung đoàn 88 và 24, một số đơn vị binh chủng và hai tiểu đoàn địa phương Long An. Đầu tháng 4-1975, Đoàn 232 được bổ sung thêm Sư đoàn 9, Trung đoàn 16, Trung đoàn 271B. Thành đội Sài Gòn - Gia Định: Bộ Chỉ huy thành lập thêm một trung đoàn (Gia Định 2) và ba tiểu đoàn. Tổng cộng chủ lực quân khu có hai trung đoàn, năm tiểu đoàn (Tiểu đoàn 195, 197, 198, Tiểu đoàn 4 Thủ Đức, Tiểu đoàn 4 Gia Định). Các đoàn đặc công, biệt động cũng được sắp xếp lại. Quân khu 7: lực lượng vũ trang các tỉnh, huyện, xã phát triển tăng vọt. Tỉnh Tây Ninh đứng đầu với lực lượng đến 12 tiểu đoàn. Lực lượng chủ lực được tăng cường thêm một trung đoàn, đưa số quân tăng thêm gần 3.000 người so với năm 1974. Quân khu 6: Ngày 07-4-1975, sau khi giải phóng Tuyên Đức, Trung đoàn 812 Quân khu 6 chuyển xuống chiến trường Bình Thuận (lúc này địch đã sáp nhập Bình Thuận - Ninh Thuận) để cùng các lực lượng địa phương vào chiến dịch giải phóng Bình Thuận.

Ngày 26-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh chính thức bắt đầu. Bốn quân đoàn chủ lực 1, 2, 3, 4 và Binh đoàn Tây Nam (232) tiến công Sài Gòn từ các hướng bắc, đông, tây bắc và nam,

tây nam. 26.000 đặc công biệt động của Miền và Sài Gòn - Gia Định nhanh chóng chiếm lĩnh các đầu cầu, trục giao thông chính, mở đường cho các quân đoàn tiến đánh Sài Gòn.

Sư đoàn 6 Quân khu 7 (trong đội hình Quân đoàn 4) thuộc hướng tiến công quan trọng phía đông Sài Gòn. Đây là hướng cả ta và địch đều tập trung lực lượng mạnh nhất. Nhiệm vụ của Sư đoàn 6 trong chiến dịch là cùng với Sư đoàn 341 mở đường cho Quân đoàn 4 tiến vào Sài Gòn, tạo điều kiện cho Sư đoàn 7 nhanh chóng thọc sâu vào nội đô, đánh chiếm dinh Độc Lập và các mục tiêu khác ở quận 1. Ngày 27 và 28-4-1975, Sư đoàn 6 được tăng cường thêm Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7) thực hiện mũi vu hồi, chia cắt phía sau căn cứ Sư đoàn 18 nguy ở Trảng Bom, đập tan khu vực phòng thủ suối Ông Hùng. Ngày 29-4, Sư đoàn tiêu diệt và làm tan rã Trung đoàn 5 thiết giáp địch ở ngã ba Yên Thế, sau đó, cùng với Sư đoàn 341 tiếp tục đánh chiếm Hồ Nai để tiến về Biên Hòa. Chiều 29-4, Sư đoàn 6 đánh chiếm sở chỉ huy Quân đoàn 3 nguy, phối hợp với Sư đoàn 341 chiếm Bộ tư lệnh Sư đoàn 3 không quân nguy và sân bay Biên Hòa. Ngày 30-4-1975, Sư đoàn tiếp tục truy quét tàn quân địch, chiếm các mục tiêu còn lại và làm nhiệm vụ quân quản ở thị xã Biên Hòa. Sư đoàn 5 trong đội hình Đoàn 232 tiến công xuống Tân An, Thủ Thừa, cắt đứt lộ 4 từ Bến Lức đi Tân An, bịt đường rút chạy của địch về đồng bằng sông Cửu Long. Để thực hiện được mũi tiến công hiểm yếu này, Sư đoàn 5 đã thực hiện một kỳ công chưa từng có là đưa pháo và thiết giáp vượt qua Đồng Tháp Mười sinh lầy. Lực lượng vũ trang Thành đội Sài Gòn - Gia Định phối hợp với chủ lực, đặc công, biệt động phát triển đánh chiếm trên các hướng vùng ven về Tân Sơn Nhất, Bà Quẹo, Quán Tre, xa lộ Sài Gòn và chốt chặn cửa sông Nhà Bè. Lực lượng vũ trang các địa phương cùng nhân dân nổi dậy, tự lực hoặc phối hợp với bộ đội cấp trên về

giải phóng địa phương. Riêng tỉnh Tây Ninh đã tự giải phóng trước Sài Gòn bằng các lực lượng địa phương. 11 giờ 30 phút, cờ giải phóng tung bay trên dinh Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Miền Nam hoàn toàn giải phóng.

*

Từ người chiến sĩ vệ quốc chân đất, tầm vông vạt nhọn trong những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp, đến khi giành chiến thắng, lực lượng vũ trang Quân khu 7 và Quân khu Sài Gòn - Gia Định đã trưởng thành vượt bậc, trở thành một đội ngũ hùng mạnh với tổ chức ba thứ quân và phát triển rộng khắp. Trải qua chặng đường dài 30 năm kháng chiến “gian lao mà anh dũng”, “đi trước về sau”, lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ - Quân khu 7 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải phóng quê hương, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, thực hiện trọn vẹn di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà¹.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử được diễn ra trong bối cảnh thế trận chiến tranh nhân dân địa phương ở miền Nam nói chung, ở miền Đông Nam Bộ nói riêng được củng cố và phát triển vững chắc. Đây là hình thức phát triển cao của chiến tranh du kích trên từng địa phương - một phương thức tiến hành chiến tranh của chiến tranh nhân dân Việt Nam được thể hiện rõ nét trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh giải phóng với mục đích cuối cùng là giành chính quyền về tay nhân dân.

1. Xem *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.50.

Kỷ niệm 40 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975 - 30-4-2015), chúng ta nhận thức rõ: độc lập, tự do, hòa bình, thống nhất đất nước luôn luôn là khát vọng, là niềm tin của toàn quân, toàn dân dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, trở thành động lực to lớn để dân tộc Việt Nam đi đến bến bờ vinh quang và là chân lý bất diệt của nhân loại tiến bộ. Những bài học kinh nghiệm được rút ra trong quá trình xây dựng và trưởng thành của lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ - Quân khu 7 được biểu hiện trên các nội dung cơ bản như sau:

1. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân trên cơ sở kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang ở địa phương, cơ sở trên cả ba vùng chiến lược.

Các cấp ủy Đảng và chỉ huy các cấp ở miền Đông Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ luôn nắm vững, quán triệt và thực hiện sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân, quan điểm về bạo lực cách mạng và đấu tranh vũ trang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh phù hợp với từng giai đoạn lịch sử, sát với yêu cầu thực tế chiến trường.

Trong thời kỳ đấu tranh chính trị, phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng phát triển rất mạnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm mục đích xây dựng cơ sở cách mạng, tập hợp lực lượng, chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết về xây dựng hạ tầng cơ sở cách mạng, xây dựng căn cứ địa, căn cứ kháng chiến, đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ... Miền Đông Nam Bộ được xác định là địa bàn có tầm quan trọng đặc biệt, có khả năng lập thế trận tác chiến quy mô lớn, liên hoàn và là điểm tiếp nhận chi viện của Trung ương cho Nam Bộ, tạo ra những điều kiện thuận lợi để các lực lượng vũ trang đứng chân và tiến công vào sào huyệt của kẻ thù. Chính những điều kiện đặc thù trên đã quy định sự phát triển của lực lượng vũ trang

miền Đông Nam Bộ trong từng giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Ngay từ khi tái thành lập, mặc dù có sự khác biệt về quy mô, tổ chức, phương thức hoạt động, các tổ chức vũ trang đều đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, thống nhất của Trung ương Cục và các Đảng bộ địa phương, đóng vai trò nòng cốt trong phong trào đấu tranh chính trị ở địa phương. Từ sau cao trào Đồng khởi, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chỉ huy Miền, lực lượng vũ trang ba thứ quân ở miền Đông Nam Bộ không ngừng lớn mạnh và ngày càng giữ vai trò quan trọng trong phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá ấp chiến lược và giải phóng nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Kể từ đây, hình thái đấu tranh vũ trang và chiến tranh cách mạng ở miền Nam ngày càng rõ nét và phát triển nhanh chóng.

Sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang đã nâng cao chất lượng của lực lượng vũ trang ngay từ buổi đầu tái thành lập, từ diệt ác, phá kìm đến các trận đánh nhỏ lẻ, tiến tới những trận đánh tiêu diệt lớn, xây dựng, củng cố và phát triển thế trận chiến tranh nhân dân địa phương vững chắc, rộng khắp. Trong đó, đấu tranh vũ trang làm đòn bẩy trong việc phá ấp chiến lược, phá hệ thống đồn bót, chống địch càn quét, thúc đẩy mũi chính trị, binh vận phát triển. Để cho việc kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang được chặt chẽ, phải có sự lãnh đạo, điều hành, chỉ huy thống nhất các lực lượng (chính trị, vũ trang, binh vận) từ cơ sở đến từng địa phương trong từng trận chiến đấu, từng đợt hoạt động.

Kết hợp đấu tranh chính trị với những đòn tiến công quân sự, sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng, quân và dân miền Đông Nam Bộ luôn giữ vững và phát huy quyền chủ động tiến công địch, nhanh chóng chuyển hướng chiến lược,

từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang ba thứ quân, vận dụng linh hoạt phương châm hai chân, ba mũi, ba vùng, kết hợp tiến công và nổi dậy, tiêu diệt và làm chủ, sáng tạo nhiều hình thức phong phú của chiến tranh nhân dân, đưa chiến tranh nhân dân phát triển lên trình độ mới, làm chủ nhiều vùng nông thôn rộng lớn ở miền núi và đồng bằng. Trên cơ sở đó, tạo thế đứng vững chắc cho lực lượng vũ trang ba thứ quân phát triển, cùng với quân dân cả nước lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh tàn bạo của kẻ thù, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

2. Ra sức xây dựng, củng cố căn cứ địa, vùng giải phóng, gắn xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân vững mạnh với xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc.

Kế thừa những kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục, các đảng bộ địa phương vừa lãnh đạo quần chúng đấu tranh chính trị vừa có ý thức chuẩn bị tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang như: cất giấu vũ khí, khôi phục và phát triển căn cứ địa - nơi đứng chân của cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến ở miền Nam; nơi tái thành lập các lực lượng vũ trang đầu tiên của miền Đông Nam Bộ. Trên cơ sở đó, từng bước xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, đưa hình thức đấu tranh vũ trang phát triển từ thấp đến cao, từ vũ trang tự vệ, diệt ác phá kềm đến tác chiến hỗ trợ đấu tranh chính trị và tiến tới những trận đánh tiêu diệt lớn sinh lực địch ở quy mô cấp chiến dịch, chiến lược và kết thúc chiến tranh. Đây cũng là cơ sở lý luận và thực tiễn để chúng ta tiếp tục phát huy sức mạnh của toàn dân, của cả hệ thống chính trị trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh trong tình hình mới.

3. Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng và củng cố thế trận chiến tranh nhân dân địa phương; đặc biệt là chỉ đạo xây dựng và mở rộng căn cứ địa kháng chiến trên địa bàn miền Đông Nam Bộ nói chung, căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam tại Tà Thiết nói riêng. Đây là một yêu cầu tất yếu không chỉ trong kháng chiến mà còn trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân miền Đông Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ, dựa trên nền tảng thế trận chiến tranh nhân dân địa phương, các cấp ủy Đảng đã quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo việc xây dựng hệ thống căn cứ địa kháng chiến một cách toàn diện cả về thế trận (trong đó có thế trận lòng dân), lực lượng và hệ thống hậu cần, kỹ thuật bảo đảm tạo nên sức mạnh tổng hợp làm tiêu hao, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng địch, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội chủ lực cấp trên đánh những đòn tiêu diệt lớn và giành thắng lợi hoàn toàn.

Sức mạnh tổng hợp của thế trận chiến tranh nhân dân địa phương theo quan điểm của Đảng ta là phải được xây dựng, củng cố từ cơ sở. Không có cơ sở vững mạnh thì không thể có sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân. Vì vậy, khi xây dựng các tỉnh, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc, chúng ta cũng lấy việc xây dựng, củng cố cơ sở vững mạnh toàn diện, xây dựng xã, phường an toàn, làm chủ, sẵn sàng chiến đấu là khâu then chốt để tạo ra sức mạnh tổng hợp, đủ sức đánh bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; ngăn ngừa và dập tắt các điểm nóng, giữ vững ổn định chính trị ngay từ địa phương cơ sở.